

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2/ Ông Ngô Hùng Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Diệp Thị Tú E, sinh ngày 03/02/1983.

Địa chỉ: ấp K, xã V, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp K, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng).

CCCD: _____, ngày 26/02/2023.

- Bị đơn: Ông Võ Quốc S (Võ Quốc S1), sinh ngày 24/8/1970.

Nơi ĐKTT: Số F đường C, phường T, thành phố Cần Thơ (trước đây là số F đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ). Chỗ ở: ấp K, xã V, thành phố Cần Thơ.

CCCD: _____, ngày 14/8/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2025, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Diệp Thị Tú E trình bày: Bà và ông Võ Quốc S (S1) tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và đăng ký hôn, đã được UBND phường H, quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 07/3/2005. Giữa bà và

ông S (S1) có 02 người con chung tên Võ Quốc L, sinh ngày 14/02/2001 và Võ Thị Tường V, sinh ngày 08/12/2015. Giữa bà và ông S (S1) có nhiều mâu thuẫn, sống mà không có tiếng nói chung đã 03 năm, đến nay bà không thể tiếp tục chịu đựng. Vì vậy khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Quốc S (S1).

Về con chung: Bà yêu cầu nuôi con chung Võ Thị Tường V, sinh ngày 08/12/2015 và không yêu cầu ông S (S1) cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng: Bà không yêu cầu giải quyết.

- Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Quốc S (S1) trình bày: Ông không đồng ý ly hôn mà mong muốn được hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, trường hợp vợ ông không đồng ý và kiên quyết ly hôn thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với con chung Võ Thị Tường V đã 11 tuổi nên theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi, nếu con sống với bà E thì ông không cấp dưỡng nuôi con, khả năng ông có bao nhiêu sẽ cho bấy nhiêu do ông đang điều trị bệnh ung thư.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì thấy: Bà E khởi kiện ly hôn và nuôi con chung, ông S (S1) không đồng ý ly hôn. Xét bà E kiên quyết ly hôn, Tòa án hòa giải không thành và qua trình bày của đương sự mối quan hệ của hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà E được ly hôn với ông S (S1). Đối với con chung Võ Thị Tường V có nguyện vọng sống với mẹ, bà E yêu cầu nuôi con và ông S (S1) tôn trọng nguyện vọng con nên đề nghị giao con cho bà E nuôi dưỡng. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc bà E phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà E khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại phường H, quận N, thành phố Cần Thơ nay là phường T, thành phố Cần Thơ và đồng ý Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn và bị đơn có mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà E và ông S (S1) tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND phường H, quận N, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà E có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có

nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà E và ông S (Sĩ) đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau và đời sống chung đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Đối với ông S (Sĩ) không đồng ý ly hôn nhưng khi bà E kiên quyết thì ông cũng chấp nhận. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà E được ly hôn với ông S (Sĩ).

[3] Về con chung: Bà E và ông S (S1) có 02 người con chung là Võ Quốc L, sinh ngày 14/02/2001 và Võ Thị Tường V, sinh ngày 08/12/2015. Đối với Võ Quốc L đã trưởng thành, có khả năng lao động và tự sinh hoạt được nên ông S (S1) và bà E không yêu cầu nuôi dưỡng đối với người con này. Đối với con chung Võ Thị Tường V có nguyện vọng được sống với mẹ (b1 25), ông S (Sĩ) tôn trọng nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu V cho bà E nuôi dưỡng, ông S (Sĩ) có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Bà E không yêu cầu, ông S (Sĩ) đồng ý tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét việc cấp dưỡng cho con chung.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Nguyên đơn bà Diệp Thị Tú E đồng ý chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Diệp Thị Tú E được ly hôn với ông Võ Quốc S (Võ Quốc S1).

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Thị Tường V, sinh ngày 08/12/2015 cho bà Diệp Thị Tú E trực tiếp nuôi dưỡng và ông Võ Quốc S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Diệp Thị Tú E phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001901 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, bà Diệp Thị Tú E đã nộp xong án phí

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Tân An,
thành phố Cần Thơ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai